

MỤC LỤC

- 6 LỜI MỞ ĐẦU
- 7 BẢN ĐỒ
- 8 CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM QUA TRANG PHỤC
- 10 CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM PHÂN THEO NGŨ HỆ

NGŨ HỆ MÔNG - DAO

- 12 Người Mông
- 16 Người Dao
- 20 Người Pà Thẻn

NGŨ HỆ THÁI - KA ĐAI

- | | |
|-------------------|-----------------|
| 22 Người Tày | 40 Người Lự |
| 26 Người Thái | 42 Người Bố Y |
| 30 Người Nùng | 44 Người La Chí |
| 34 Người Sán Chay | 46 Người La Ha |
| 36 Người Giáy | 48 Người Cờ Lao |
| 38 Người Lào | 50 Người Pu Páo |

NGŨ HỆ NAM Á

- 52 Người Kinh
- 62 Người Mường
- 66 Người Thổ
- 68 Người Chứt
- 70 Người Khmer
- 74 Người Ba Na
- 76 Người Xơ Đăng
- 78 Người Hrê
- 80 Người Cơ Ho
- 82 Người Mnông
- 84 Người Xtiêng
- 86 Người Khơ Mú
- 88 Người Bru - Vân Kiều
- 90 Người Cơ Tu
- 92 Người Gié - Triêng
- 96 Người Tà Ôi
- 98 Người Mạ
- 100 Người Co
- 102 Người Chơ Ro
- 104 Người Xinh Mun
- 106 Người Kháng
- 108 Người Mảng
- 110 Người Brâu
- 112 Người Rơ Măm
- 114 Người Ơ Đu

NGŨ HỆ NAM ĐẢO

- 116 Người Gia Rai
- 120 Người Ê Đê
- 124 Người Chăm
- 130 Người Ra Glai
- 132 Người Chu Ru

NGŨ HỆ HÁN - TẠNG

- 134 Người Hoa
- 140 Người Sán Dìu
- 142 Người Ngái
- 144 Người Hà Nhì
- 146 Người Phù Lá
- 148 Người La Hủ
- 150 Người Lô Lô
- 152 Người Cống
- 154 Người Si La



CÁC DÂN TỘC VIỆT NAM PHÂN THEO NGŨ HỆ

Phân chia các dân tộc theo ngữ hệ là việc phân loại các tộc người dựa trên ngôn ngữ mà đồng bào sử dụng. Các tộc người được phân loại vào các nhóm ngữ hệ khác nhau dựa trên các đặc điểm chung về ngôn ngữ của họ, bao gồm cách phát âm, từ vựng, ngữ pháp và cấu trúc câu.

Với cách phân loại đó, Việt Nam có 5 ngữ hệ lớn trong đó chia thành 8 nhóm ngôn ngữ.



NGŨ HỆ MÔNG - DAO

NHÓM NGÔN NGỮ MÔNG - DAO:

Gồm 3 dân tộc là Mông, Dao và Pà Thẻn, phân bố tại các tỉnh miền núi Bắc bộ, một số ở Bắc Trung bộ. Người Mông phân bố trên vùng cao, người Dao và Pà Thẻn chủ yếu sinh sống ở vùng lưng chừng núi.

Đồng bào chủ yếu ở nhà trệt, tường đất, riêng người Dao có nhóm ở nhà sàn, hoặc nhà nửa sàn nửa trệt. Đồng bào nhóm Mông - Dao làm nương du canh, ruộng nước, giỏi canh tác ngô, lúa nếp, lúa tẻ. Phụ nữ rất giỏi dệt vải thổ cẩm, thêu hoa văn hoặc in sáp ong. Ngoài ra, bà con còn phát triển các nghề thủ công như rèn, đúc, đan lát...

NGŨ HỆ THÁI - KA ĐAI

NHÓM NGÔN NGỮ TÀY - THÁI:

Bao gồm 8 dân tộc là Tày, Nùng, Sán Chay, Giáy, Bố Y sinh sống ở vùng Đông Bắc Bắc bộ; Thái, Lào, Lự phân bố từ vùng Tây Bắc đến phía Tây hai tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An.

Đồng bào Tày - Thái ở nhà sàn, canh tác lúa nước và nương rẫy, có trình độ kỹ thuật cao trong canh tác lúa nước, với các kỹ năng dùng cày, thâm canh, làm thủy lợi. Nghề dệt vải rất phát triển. Nhiều giá trị văn hóa cổ truyền của nhóm ngôn ngữ Tày - Thái đã ảnh hưởng rất lớn sang các nhóm dân tộc khác.



NHÓM NGÔN NGỮ KA ĐAI:

Gồm 4 dân tộc La Chí, La Ha, Cờ Lao và Pu Páo, cư trú ở những vùng núi cao giáp biên giới phía Bắc, thuộc các tỉnh Lai Châu, Sơn La, Lào Cai và Tuyên Quang.

Đồng bào sống du canh du cư, làm nương bằng cách phát, đốt, chọc lỗ tra hạt; hoặc định canh định cư, làm ruộng bậc thang, nương cày hay thổ canh hốc đá, trồng lúa, ngô, bầu bí. Nếp sinh hoạt người dân chịu nhiều ảnh hưởng của các dân tộc có dân số đông cùng chung sống như Tày, Thái, Nùng, Mông.

NGŨ HỆ NAM Á

NHÓM NGÔN NGỮ VIỆT - MUÔNG:

Đây là nhóm ngôn ngữ có số dân chiếm đa số ở Việt Nam, gồm 4 dân tộc Kinh, Mường, Thổ, Chứt.

Các dân tộc này có chung một cội nguồn lịch sử, tổ tiên là cư dân Lạc Việt ở miền trung du và đồng bằng Bắc bộ, Bắc Trung bộ. Chính vì vậy, giữa 4 dân tộc có nhiều điểm tương đồng về ngôn ngữ và phong tục tập quán. Tuy nhiên, do nhiều biến động lịch sử, điều kiện sống và sự tiếp thu văn hóa từ bên ngoài đã khiến các dân tộc này có nhiều điểm khác biệt.

NHÓM NGÔN NGỮ MÔN - KHMER:

Gồm 21 dân tộc: Ba Na, Brâu, Bru - Vân Kiều, Chơ Ro, Co, Cơ Ho, Cơ Tu, Gié - Triêng, Hrê, Kháng, Khmer, Khơ Mú, Mảng, Mạ, Ó Đu, Mnông, Rơ Măm, Tà Ôi, Xinh Mun, Xơ Đăng, Xtiêng.

Đồng bào Môn - Khmer cư trú rải rác ở khu vực Tây Bắc, miền Trung - Tây Nguyên và Nam bộ. Đồng bào canh tác nương rẫy theo phương pháp chọc lỗ tra hạt, người Khmer Nam bộ trồng lúa nước, giỏi nghề thủ công đan lát, dệt vải...

NGŨ HỆ NAM ĐẢO

NHÓM NGÔN NGỮ MÃ LAI - ĐA ĐẢO:

Gồm các dân tộc Chăm, Chu Ru, Gia Rai, Ê Đê, Ra Glai cư trú tập trung ở dải đất ven biển miền Trung và trên các cao nguyên đất đỏ Tây Nguyên.

Các dân tộc Mã Lai - Đa Đảo chủ yếu làm lúa rẫy. Đồng bào còn giỏi nghề dệt thổ cẩm, làm gốm, chài lưới. Văn hóa mang đậm nét mẫu hệ, phản ánh rõ nét trong các lĩnh vực như tổ chức gia đình - hôn nhân, chế độ thừa kế tài sản, tổ chức xã hội.



NGŨ HỆ HÁN - TẠNG

NHÓM NGÔN NGỮ HÁN:

Gồm người Hoa, người Ngái và Sán Dìu, cư trú trên cả ba miền Bắc, Trung, Nam. Người Hoa sống rải rác cả ở nông thôn và thành thị, rất gần gũi với nhau, mưu sinh bằng nhiều nghề, nhưng nổi bật nhất là kinh doanh buôn bán và dịch vụ. Trong khi đó, người Ngái cư trú rải rác ở các tỉnh Bắc Ninh, Cao Bằng, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Thái Nguyên... làm nông nghiệp, nghề thủ công và giỏi buôn bán nhỏ. Người Sán Dìu sống tập trung ở Quảng Ninh và trung du Bắc bộ, bà con canh tác trên đất nương, bãi và ruộng nước, kết hợp với chăn nuôi gia súc, gia cầm và làm thủ công truyền thống.

NHÓM NGÔN NGỮ TẠNG - MIẾN:

Gồm 6 dân tộc là Hà Nhì, La Hù, Lô Lô, Cống, Si La và Phù Lá.

Đồng bào thuộc nhóm dân tộc này sống rải rác trong những xóm nhỏ trên vùng núi cao biên giới phía Bắc, xen kẽ với các dân tộc khác. Bà con làm nương rẫy du canh du cư, một bộ phận biết khơi mương làm thủy lợi, trồng lúa nước trên ruộng bậc thang. Đồng bào nhóm Tạng - Miến sở hữu những bộ trang phục rất sắc sảo, có điểm nhấn bằng họa tiết đắp vải, khăn đội đầu cũng rất cầu kỳ gồm nhiều vòng ôm sát đầu, nhiều lớp họa tiết, hoa văn đính cườm hoặc tua rua.

NGƯỜI MÔNG

- ♦ Tên thường gọi: H'Mông, Mẹo, Mèo, Miếu Hạ, Mán Trắng.
- ♦ Nhóm địa phương: Mông Trắng, Mông Hoa, Mông Đỏ, Mông Đen, Mông Xanh, Na Miêu.
- ♦ Địa bàn cư trú: Chủ yếu ở các tỉnh miền núi vùng cao: Tuyên Quang, Lào Cai, Lai Châu, Sơn La, Cao Bằng, Nghệ An, Thanh Hóa.
- ♦ Ngôn ngữ: Thuộc ngữ hệ Mông - Dao.
- ♦ Dân số: 1.393.547 người.



NHÀ MÁI GỖ

Rất hiếm khi người Mông phá bỏ ngôi nhà cũ dựng nhà mới bởi trong ngôi nhà ấy chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa tâm linh. Các tấm lợp và mái nhà hầu hết làm bằng loại gỗ có dầu như sa mu, pơ mu nhằm giữ nhiệt.



NGỰA THỜ HÀNG

Ngựa là phương tiện đi lại quen thuộc của người Mông trên những vùng núi đá cao hiểm trở phía Bắc nước ta.

LƯỚI CÀY MÔNG

Lưới cày của người Mông được rèn bởi loại thép tốt nhất để không bị hư hỏng khi va vào đá. Người Mông dùng trâu, bò để kéo cày, làm tơi đất trên các cao nguyên đá chuẩn bị cho các vụ mùa trồng trọt sắp đến.



ĐỜI SỐNG

Người Mông làm nương rẫy du canh, trồng ngô, lúa, lúa mạch, trồng xen canh trên nương với các cây ý dĩ, khoai, rau, lạc, vùng, đậu... Người Mông còn giỏi các nghề thủ công như đan lát, rèn, chạm bạc...



NHÀ TRÌNH TƯỜNG

Nhà của người Mông được xây dựng kì công với tường trát bằng đất, cổng và mái lợp ngói máng, mát về mùa Hè, ấm về mùa Đông, được bao bọc bởi hàng rào đá.



CHÓ ĐUÔI CỘC

Là giống chó có đuôi rất ngắn, rất nhanh nhạy, thông minh và trung thành với con người nên thường được sử dụng làm chó săn, chó canh gác.



NGƯỜI MÔNG CANH TÁC

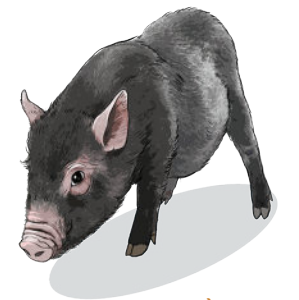


DINH VUA MÈO

Còn gọi Dinh thự họ Vương, là Di tích Quốc gia hơn 100 năm tuổi, ảnh hưởng kiến trúc Trung Quốc, Mông và Pháp.

CÂY LANH

Lanh được phơi khô, tước sợi sau đó đem dệt vải.



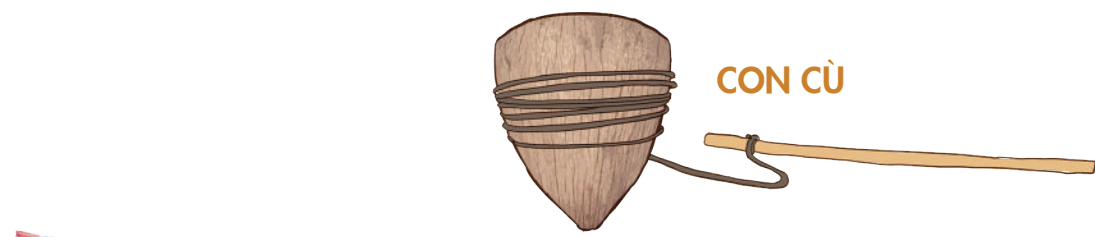
LỢN ĐEN

TỤC "KÉO VỢ"

Trai gái người Mông đến tuổi lập gia đình, nếu yêu thương nhau và quyết định kết hôn, chàng trai sẽ đến nhà đăng gái và "kéo vợ" để đón cô gái về nhà mình.

TRANG PHỤC

Người Mông sở hữu trang phục độc đáo và nổi bật, với nhiều màu sắc như xanh, đỏ, trắng... Phụ nữ Mông rất giỏi trong việc sử dụng kĩ thuật thêu bằng chỉ màu, vẽ hoa văn in bằng sáp ong, khâu đắp vải... Từng nhóm người Mông sẽ có hình thức trang trí trang phục khác nhau.



CON CÙ



VÁY CỦA NGƯỜI MÔNG

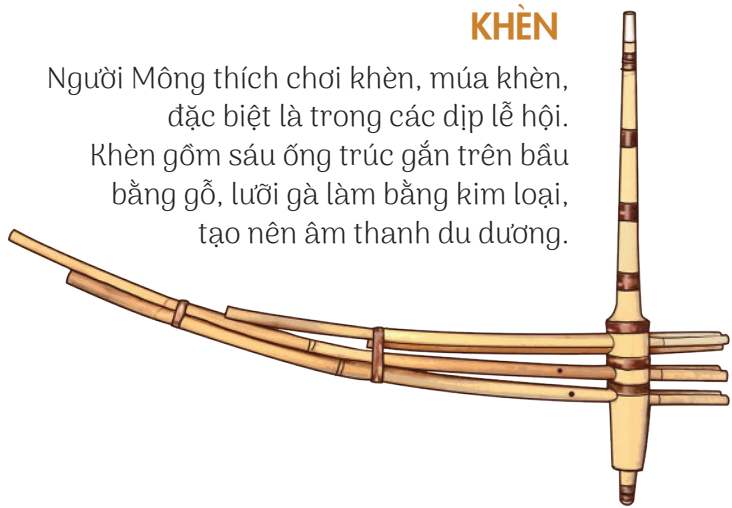
CHƠI ĐÁNH CÙ

Con cù được làm từ gỗ cứng ở rừng, có hai đầu, đầu nhọn là điểm chạm đất. Người chơi chọn những bãi đất trống bằng phẳng, lấy dây cuốn vào cù và ném xuống đất cho quay. Người phe kia phải lấy con cù khác ném vào con cù đang quay đó, sao cho trúng và khiến nó bay ra xa là thắng.



KHÈN

Người Mông thích chơi khèn, múa khèn, đặc biệt là trong các dịp lễ hội. Khèn gồm sáu ống trúc gắn trên bầu bằng gỗ, lưỡi gà làm bằng kim loại, tạo nên âm thanh du dương.



DỤNG CỤ IN SÁP ONG



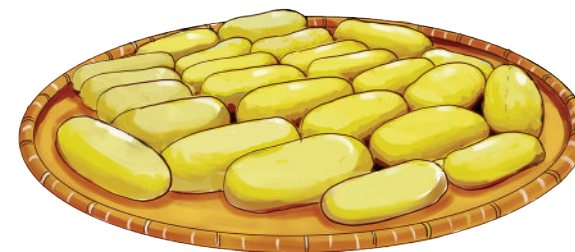
IN HỌA TIẾT BẰNG SÁP ONG TRÊN VẢI

Đây là cách tạo hoa văn trên vải đặc trưng của người Mông. Người ta dùng bút chấm sáp ong nóng chảy để vẽ hoa văn trên tấm vải lạnh trắng. Vẽ xong, tấm vải đó được nhuộm chàm nhiều lần cho đến khi có màu đen thẫm, sau đó đem vải nhúng vào nước sôi cho sáp ong tan ra, để lại những hoa văn màu trắng trên nền chàm xanh.



CHỢ PHIÊN BẮC HÀ

Chợ phiên đặc sắc của người Mông và các dân tộc khác như Tày, Nùng, Dao, Phù Lá... ở vùng cao Bắc Hà, tỉnh Lào Cai.



BÁNH LÃO KHOÀI



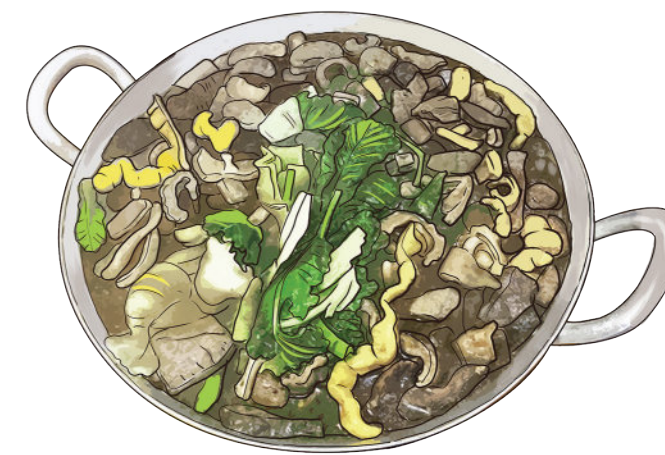
BÁNH GIẦY



MÈN MÈN VÀ BÁNH NGÔ

ẨM THỰC

Các thực phẩm truyền thống của người Mông có mèn mén (bột ngô đỏ), cơm, rau xào mỡ và canh... Vào những dịp lễ tết, bà con thường làm các loại bánh bằng bột ngô, bột gạo. Đồng bào thích uống rượu ngô, rượu gạo, hút thuốc bằng điếu cày. Khi khách tới chơi, chủ nhà mời khách chiếc điếu do tự tay mình nạp thuốc để thể hiện sự chào đón, quý trọng.

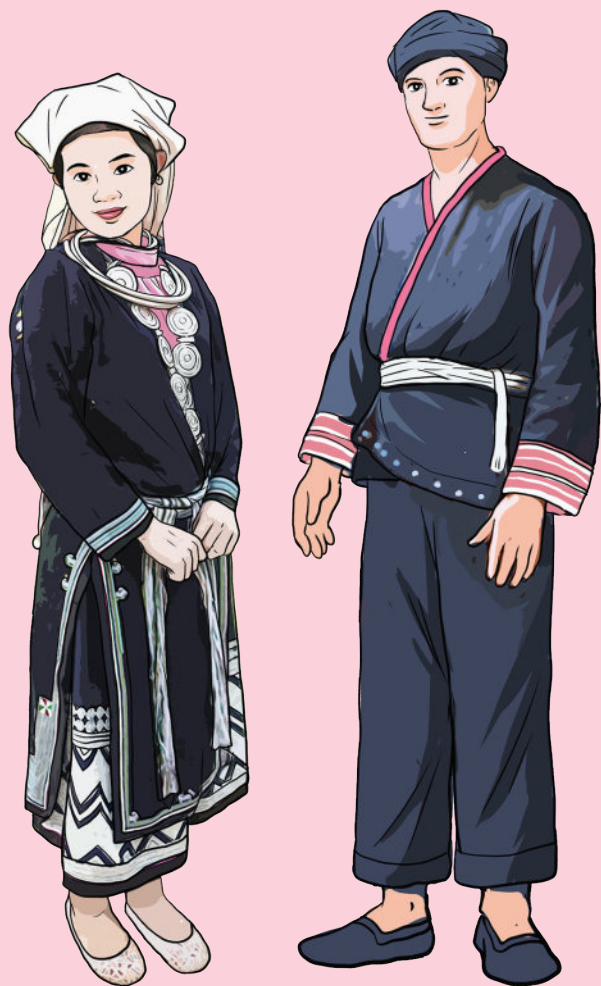


THẮNG CỐ

Là món ăn độc đáo của người Mông. Đây là món canh gồm các loại thịt, xương, nội tạng của bò hoặc dê, trâu, ngựa... cắt thành từng miếng và nấu trong chảo to. Người Mông thường nấu thắng cố khi nhà có đám tiệc hoặc trong các phiên chợ.

NGƯỜI DAO

- ♦ Tên gọi khác: Người Mán.
- ♦ Tên tự gọi: Kim Miến, Kim Mùn (người rừng).
- ♦ Địa bàn cư trú: Người Dao sinh sống tại hầu khắp các tỉnh miền núi phía Bắc, trung du Bắc Bộ, Tây Nguyên.
- ♦ Ngôn ngữ: Thuộc ngữ hệ Mông - Dao.
- ♦ Dân số: 891.151 người.
- ♦ Nhóm địa phương: Dao Đỏ (Dao Cóc Ngáng, Dao Sùng, Dao Dụ Lạy, Dao Đại Bản), Dao Quần Chẹt (Dao Sơn Đầu, Dao Tam Đảo, Dao Nga Hoàng, Dụ Cùn), Dao Lô Gang (Dao Thanh Phán, Dao Cóc Mùn), Dao Tiền (Dao Đeo Tiền, Dao Tiểu Bản), Dao Quần Trắng (Dao Họ), Dao Thanh Y, Dao Làn Tền (Dao Tuyển, Dao Áo Dài).



TRANG PHỤC NGƯỜI DAO TIỀN

Người Dao Tiền thường trang trí trang phục bằng những đồng bạc, gam màu chủ yếu của trang phục theo tông trầm như màu đen, màu chàm và hoa văn trắng.



TRANG SỨC CỦA NGƯỜI DAO TIỀN



HỌA TIẾT TRÊN KHĂN ĐỘI ĐẦU CỦA NGƯỜI DAO ĐỎ



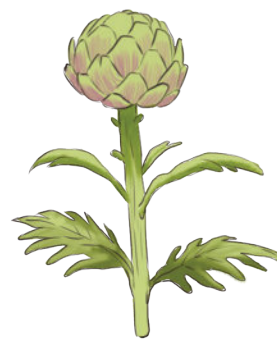
CÂY
CHÈ DÂY



CÂY
BÔNG VẢI



CÂY
XUYÊN KHUNG



CÂY
ATISO



CÂY
DƯƠNG QUY

ẨM THỰC

Người Dao ăn cơm là chính, ngoài ra còn ăn ngô, cháo, thích ăn các món thịt luộc, thịt sấy khô, muối chua, canh măng chua.



BÁNH CHIM GÂU

Bánh được gói bằng lá dứa rừng, tạo hình giống con chim gâu, bên trong là gạo nếp và thường có thêm nhân đậu xanh hoặc thịt. Bánh mang ý nghĩa văn hóa sâu sắc, thể hiện tình cảm yêu thương trong gia đình.



THỊT TREO GÁC BẾP

Chế biến bằng cách tẩm ướp thịt với các loại gia vị, sau đó treo lên gác bếp để hun khói.



THỊT LỢN MUỐI CHUA

Làm từ thịt lợn tươi, ướp muối, thính gạo rang, và các loại gia vị, sau đó ủ lên men trong ống tre hoặc chum sành.



XÔI SẴN

Sắn được luộc chín, giã nhỏ rồi trộn với gạo nếp và đồ chín bằng chõ. Xôi được gói bằng lá chuối, lá dong, hoặc các loại lá rừng.

TRANG PHỤC

Y phục của phụ nữ người Dao thường rất đa dạng với áo dài, yếm, váy hoặc quần. Từng nhóm Dao có trang phục đặc trưng để phân biệt theo tên gọi. Ví dụ khăn đội đầu màu đỏ gọi là Dao Đỏ, mặc quần ống hẹp gọi là Dao Quần Chẹt, chải tóc bằng sáp ong gọi là Dao Sơn Đầu.



TRANG PHỤC NGƯỜI DAO ĐỎ

Người Dao Đỏ quan niệm màu đỏ là màu hạnh phúc, may mắn và đủ đầy. Trẻ em đội mũ màu đỏ sẽ khỏe mạnh, hay ăn, chóng lớn.